

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-ST

Ngày: 26 - 9 - 2019

“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Thi;

2. Bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 / 9 / 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 251/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HN ngày 22 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng H, sinh năm 1974, địa chỉ nơi cư trú: Số 567, tổ 24, khóm V, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trương Sĩ Phương Kh, sinh năm 1970, địa chỉ nơi cư trú: Số 567, tổ 24, khóm V, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2019 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Hồng H trình bày: bà với ông Kh tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có con chung tên Trương Trung H, sinh ngày 27/8/2005; nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng

quan điểm, sống không có tiếng nói chung trong thời gian dài; ông Kh không chăm lo gia đình, lại thường xuyên ăn nhậu và có những lời lẽ xúc phạm bà, bạo hành tinh thần vợ con, gây sức mẻ tình cảm trong gia đình, bản thân nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết bà được ly hôn với ông Trương Sĩ Phương Kh;

Ông Trương Sĩ Phương Kh trình bày: ông với bà H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng không lớn. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên ông đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh, đã ly thân hơn năm nay với bà H, nhưng đôi lúc vẫn có về gia đình, hiện ông vẫn còn tình cảm với bà H, nên không đồng ý ly hôn;

Về con chung: Bà H, ông Kh thống nhất có con chung tên Trương Trung H, sinh ngày 27/8/2005;

Bà H có yêu cầu được nuôi dạy, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng; ông Kh trình bày;

Ông Kh trình bày: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông cũng có nguyện vọng nuôi dạy con chung;

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Kh, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại phiên tòa,

Thay mặt Hội đồng xét xử: Chủ tọa công bố tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án;

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật tranh chấp;

Thu thập chứng cứ phù hợp qui định tại Điều 97, 98 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn cấp tổng đạt thực hiện đúng qui định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Giữa bà H với ông Phát tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nhưng trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng có xảy mâu thuẫn cãi vã nhau và không còn sống chung hơn năm nay. Nên bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở; Về tài sản chung - nợ chung: bà H không yêu cầu

giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về con chung từ khi bà H sống ly thân với ông Kh cho đến nay thì con chung sống với bà H có cuộc sống ổn định, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dạy; ông Kh không yêu cầu cấp dưỡng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với H. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ông Kh có nơi cư trú tại khóm Vĩnh Phú, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc; bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí nên tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.1] Về sự vắng mặt của ông Kh, bà H: Tòa án tiến hành thực hiện việc cấp tổng đạt hợp lệ, nhưng ông Kh vẫn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, không gì sự bất khả kháng; Bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông Kh, bà H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: bà H với ông Kh tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, nên hôn nhân giữa bà H, ông Kh là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng;

Sau khi kết hôn thì ông Kh, bà H có cuộc sống hạnh phúc và có con chung, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, bà H với ông Kh không còn quan hệ vợ chồng (sống ly thân) từ hơn năm nay là một khoảng thời gian dài, nhưng ông Khanhh bà H vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng;

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*” Thế nhưng vợ chồng bà H, ông Kh không còn chung sống hơn năm nay. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cùng thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H;

[2.2] *Xét Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H với ông Kh có con chung tên Trương Trung H, sinh ngày 27/8/2005; Bà H, ông Kh đều có nguyện vọng nuôi dạy con chung;

Xét về yêu cầu nuôi dạy con chung của ông Kh thấy rằng từ khi ly thân đến nay thì ông Kh không chăm sóc con chung; con chung sống với bà H, hơn nữa ông Kh thường xuyên đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian bà H với ông Kh sống ly thân, một mình bà H vẫn đảm bảo cuộc sống cho cháu ổn định, phát triển về tinh thần và thể chất, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu H được tòa án ghi nhận ngày 07/8/2019 thì cháu H có nguyện vọng sống với bà H khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy bà H đủ điều kiện nuôi dạy con chung hơn ông Kh, nên thống nhất giao con chung cho bà H được tiếp tục nuôi dạy và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu;

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi dạy con chung*: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con...;

Đối cH với quy định nêu trên, lẽ ra ông Kh phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà H chỉ yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng và cho rằng có đủ khả năng nuôi dạy con chung. Hơn nữa hiện nay ông Kh chưa có nghề nghiệp ổn định. Xét thấy, việc bà H không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ khả năng đảm bảo cuộc sống của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ông Kh không phải cấp dưỡng.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Kh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông Kh cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà H trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Kh không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật thi hành án Dân sự năm 2008;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H:

Về hôn nhân: Bà Phạm Hồng H, sinh năm 1974 được ly hôn ông Trương Sĩ Phương Kh, sinh năm 1970;

Về con chung:

Bà Phạm Hồng H được nuôi dạy con chung tên Trương Trung H, sinh ngày 27/8/2005, ông Kh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Kh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông Kh cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà H trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét.

Về án phí:

Bà Phạm Hồng H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số TU/2017/0008208 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà H đã nộp đủ.

Ông Trương Sĩ Phương Kh không phải chịu án sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm;

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Kh là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức